

Tác động của lạm phát đến đời sống của người thu nhập thấp ở Việt Nam hiện nay

Mai Thị Thanh Xuân*

*Khoa Kinh tế Chính trị, Trường Đại học Kinh tế,
Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 03 tháng 06 năm 2008

Tóm tắt. Lạm phát là một hiện tượng kinh tế gắn liền với sự tồn tại của các nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường. Vì vậy, chống lạm phát cũng là nhiệm vụ thường trực của các quốc gia. Tại Việt Nam, sau 11 năm liên tục lạm phát được kìm giữ ở mức thấp (1 con số), thì đến năm 2007 lạm phát đã quay trở lại tốc độ “phi mã”, với mức 12,63%, cao gấp rưỡi tốc độ tăng trưởng kinh tế (8,44%); trong đó các mặt hàng tăng giá cao nhất là thực phẩm (21,16%), vật liệu xây dựng (17,12%), lương thực (15,4%), phương tiện đi lại và bưu điện (7%)...

Lạm phát cao đã có tác động đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội, làm chao đảo cuộc sống của dân chúng, trong đó hai nhóm đối tượng có thu nhập thấp phải chịu gánh nặng lạm phát lớn nhất là: những người sống chủ yếu dựa vào tiền lương như công nhân, viên chức, người về hưu, người hưởng trợ cấp xã hội khác... (vì tốc độ tăng tiền lương thì tính bằng năm, còn tốc độ tăng giá thì tính bằng tháng); và nông dân và những người kinh doanh nhỏ lẻ (vì tốc độ tăng chi phí “đầu vào” cao hơn tốc độ tăng giá bán “đầu ra” của họ).

Để giảm bớt gánh nặng lạm phát cho người có thu nhập thấp, trước mắt cần: Tăng cường hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo và Tăng cường giám sát, quản lý giá cả thị trường; còn về lâu dài thì phải Nâng cao chất lượng công tác dự báo về sự biến động giá cả thị trường trong nước và quốc tế.

Sau 11 năm (1996-2006) giữ được tốc độ lạm phát ở mức một con số, nền kinh tế Việt Nam lại “sôi” lên với làn sóng tăng giá khá mạnh mẽ vào năm 2007, đã khiến cho nhiều ngành, nhiều cấp và nhiều giới phải “vào cuộc” để tìm hiểu đâu là căn nguyên của vấn đề, thực tế tác động của nó đến đời sống kinh tế - xã hội ở mức nào, và phải kiểm chế lạm phát ra sao. Xung quanh vấn đề này đã có rất nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau (nhiều người tỏ ra lo ngại trước con số lạm phát 12,63% của năm 2007; nhưng cũng

có người lại bình thản cho rằng “lạm phát vẫn đang trong tầm kiểm soát”, hay “nền kinh tế vẫn đang đà phát triển lành mạnh”⁽¹⁾ [1]. Bài viết này đề cập đến khía cạnh tác động của lạm phát đến đời sống của bộ phận dân cư có thu nhập thấp (người nghèo) và giải pháp khắc phục.

* ĐT: 84-4-8586385

E-mail: mttxuan@yahoo.com

⁽¹⁾ Ý kiến của Ông Nicholas Kwan, Trưởng bộ phận nghiên cứu khu vực Châu Á của Ngân hàng Standard Chartered (Dẫn theo Trần Ngọc Thor, www.vntrades); và của Nguyễn Đình Bích (www.dddn.com).

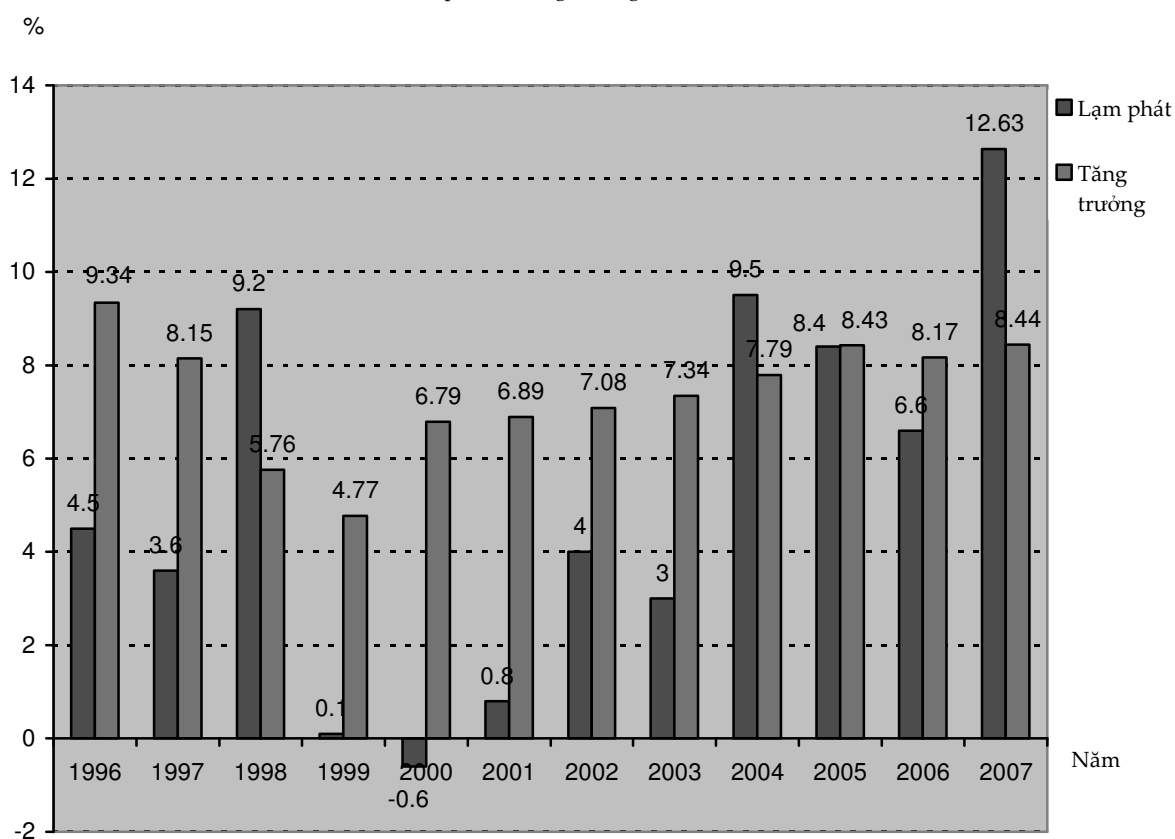
1. Khái quát thực trạng lạm phát ở Việt Nam những năm gần đây

Thực trạng lạm phát tại Việt Nam 12 năm qua (1996-2007) có thể tóm lược lại trong mấy điểm nổi bật sau đây:

Thứ nhất, Việt Nam đã “kéo” được chỉ số lạm phát (CPI) từ mức ba con số (774,7%/1986; 223,1%/1987; 393,8%/1988) xuống một con số

(5,2%/1993) và duy trì nó trong hơn mười năm qua. Nổi bật hơn hết là việc kiềm chế được lạm phát ở mức thấp mà chúng ta không phải “đánh đổi”, hay “lựa chọn” giữa mục tiêu tăng trưởng và lạm phát như nó thường diễn ra tại nhiều nước. Đó thật sự là một thành tựu lớn. Có thể thấy rõ hơn điều này qua diễn biến của chỉ số lạm phát và tăng trưởng kinh tế từ 1996 - 2007 ở biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ 1. Lạm phát và tăng trưởng kinh tế 1996-2007



Nguồn: Theo số liệu của Thời báo Kinh tế Việt Nam: Kinh tế 2006-2007 Việt Nam và Thế giới; và Tổng cục thống kê

Thứ hai, sau 11 năm lạm phát giữ ở mức một con số, năm 2007 chỉ số này đã tăng lên mức hai con số. Điểm khác biệt của lạm phát trong năm này là sự tăng giá diễn ra đồng loạt ở cả nhóm hàng lương thực và phi lương thực. Đứng đầu về tốc độ tăng giá trong nhóm các hàng hóa tính CPI là thực phẩm

(tăng 21,16%, riêng tháng 12 tăng 4,69%). Nhóm hàng nhà ở và vật liệu xây dựng tăng cao thứ hai (tăng 17,12%, riêng tháng 12 tăng 3,28%). Đứng thứ ba là nhóm hàng lương thực (tăng 15,4%, riêng tháng 12 tăng 2,98%). Phương tiện đi lại và bưu điện đứng thứ tư (tăng hơn 7%, riêng tháng 12 tăng 0,7%). Tiếp

đến là nhóm hàng may mặc và giày dép (tăng 7%, riêng tháng 12 tăng 1,16%); được phẩm và y tế (tăng 7%)⁽²⁾, v.v...

Hiện tượng giá tăng diễn ra ở hầu hết các nhóm hàng hoá và dịch vụ như vậy cho thấy, nguyên nhân của lạm phát không chỉ hoàn toàn do tác động của giá cả thế giới hay từ cung hàng hoá, dịch vụ; mà rõ ràng là có nguyên nhân từ tiền tệ⁽³⁾ [2].

Thứ ba, khác với tình trạng lạm phát của những năm trước, chỉ số giá tiêu dùng các tháng trong năm 2007 tăng liên tục ngoài dự đoán, vượt qua chỉ tiêu Quốc hội đề ra hết lần này đến lần khác (nói khác đi là không kiểm soát được!). Ví dụ, tại thời điểm cuối năm 2006, lạm phát năm 2007 được dự báo ở mức 6 - 7%, và tỷ lệ tăng trưởng kinh tế là 9 - 10%. Nhưng, mới đến tháng 7/2007 chỉ số lạm phát đã đạt mức 6,19%, trong đó riêng tháng 7 là 0,94%. Trước tình hình đó, thay vì chỉ tiêu lúc đầu là 6% - 7%, Chính phủ đã phải điều chỉnh chỉ tiêu lạm phát cả năm ở mức dưới 8%, với niềm tin là chỉ số giá tiêu dùng của các tháng còn lại giữ ở mức tăng khoảng 0,4%/tháng [3]. Nhưng rồi, ngay trong tháng 8 giá đã tăng thêm 0,55% (cao hơn dự đoán), rồi tháng 9 vẫn tiếp tục tăng 0,51%, tháng 10 tăng 0,74%, tháng 11 tăng 1,23%, và tháng 12 tăng kỷ lục: 2,91% (cao nhất so với các tháng trong năm, kể cả tháng 2/2007 là tháng có Tết Nguyên Đán; và cũng cao nhất so với các tháng 12 của 11 năm trước đó). Kết thúc năm 2007, tốc độ tăng giá tiêu

dùng chung đã lên đến 12,63% so với năm trước, gần gấp rưỡi tốc độ tăng trưởng kinh tế (8,44%). Điều đó đã khiến cho nhiều người phải lo lắng, nhất là những người nghèo. Họ lo lắng không phải vì mức lạm phát cao (bởi nền kinh tế Việt Nam cũng đã từng đối mặt với lạm phát cao trong nhiều năm, như 1990: 67,4%; 1991: 67,6%; 1992: 17,6%; 1994: 14,4%; và 1995: 12,7%, thậm chí còn rất cao, như các năm trước 1990), mà lo vì tốc độ tăng giá diễn ra quá nhanh, trong khi các nhà hoạch định chính sách lại lúng túng trong cách xử lý. Chính Bộ trưởng Bộ Tài chính Vũ Văn Ninh đã thừa nhận điều đó khi trả lời phỏng vấn của phóng viên Vietnamnet. Ông nói: “Đúng là trong dự báo có vấn đề. Kể cả dự báo thị trường thế giới và tác động của chính sách vào chỉ số giá tiêu dùng. Chúng ta vẫn nghĩ rằng có thể khống chế được, nhưng trên thực tế giá cả đã tăng rất cao”⁽⁴⁾.

Thứ tư, với mức 12,63%, chỉ số lạm phát năm 2007 đã cao hơn nhiều so với lãi suất huy động tiết kiệm (lãi suất của các ngân hàng thương mại nhà nước khoảng trên 8%, và của các ngân hàng thương mại cổ phần khoảng 9,5%). Điều đó đã khiến cho người có tiền gửi tiết kiệm bị thiệt thòi lớn do lãi suất thực âm, và kết quả là dòng tiền ồ ạt được rút khỏi ngân hàng để đầu tư vào “kênh” khác có hiệu quả hơn (người giàu thì mua nhà ở và bất động sản, đầu tư chứng khoán; còn người nghèo thì có được đồng nào đều đổi hết thành vàng). Kết quả là lượng tiền trong lưu thông càng lớn thêm, làm cho giá cả càng tăng cao hơn, đồng thời lại tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng thanh khoản cho hệ thống ngân hàng. Thứ năm, lạm phát cao trên thực tế đã làm cho đồng tiền Việt Nam có xu hướng tăng giá so với đồng đô la Mỹ, dù cho trên danh nghĩa đồng Việt Nam vẫn mất giá tương đối so với đô la Mỹ một cách đều đều qua các năm (tỷ giá giữa USD/VND năm 2001 là 14.725 VND; năm

⁽²⁾ www.gso.gov.vn

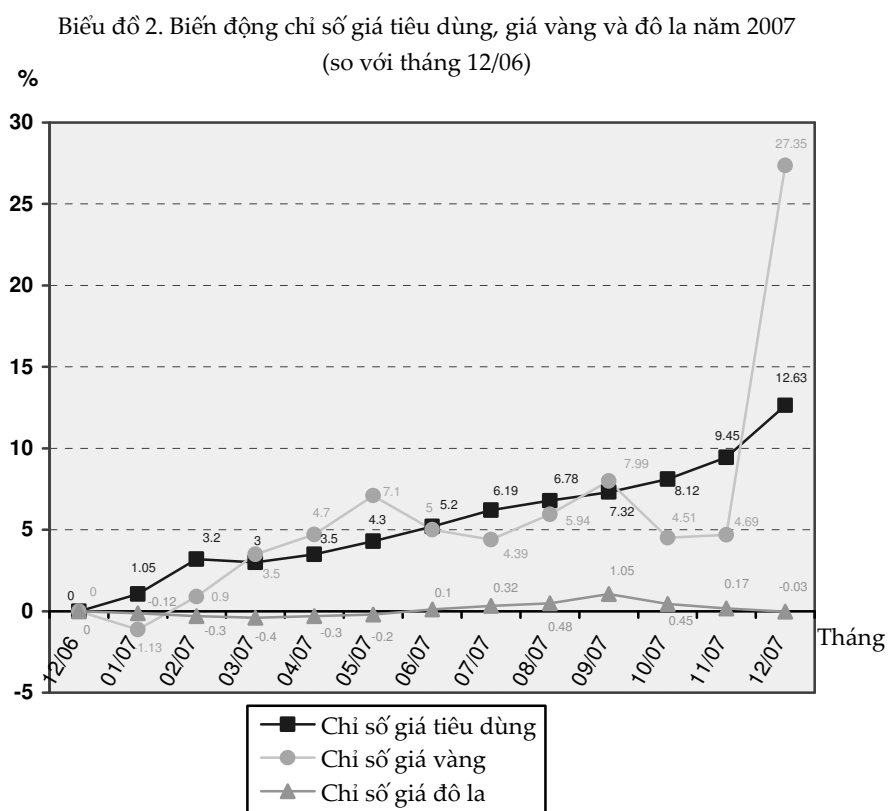
⁽³⁾ Trên tờ www.nld.com, cập nhật ngày 27/2/2008 đã đưa ra con số: trong 3 năm 2005 - 2007, lượng cung tiền tăng đến 135%, trong khi GDP chỉ tăng 27%; còn theo Ông Nguyễn Đại Lai, Vụ phó Vụ Chiến lược - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì trong năm 2007 đã có 5 dòng ngoại tệ với ít nhất là 25 tỷ USD đổ vào Việt Nam (Hội thảo khoa học chủ đề “Phân tích diễn biến giá cả, lạm phát năm 2007, dự báo giá cả, lạm phát năm 2008”, do Viện Nghiên cứu Khoa học Thị trường giá cả tổ chức ngày 25/12/2007).

⁽⁴⁾ Theo Vietnamnet.com

2002: 15.280 VND; năm 2003: 15.510 VND; năm 2004: 15.740 VND; năm 2005: 15.859 VND; năm 2006: 15.994 VND; và năm 2007: 16.241 VND). Nhưng do giá cả tại Việt Nam tăng cao hơn giá cả tại Mỹ (12,63% so với 4,1% năm 2007), nên dù tỷ giá danh nghĩa có phần hạ thấp giá trị đồng Việt Nam thì trên thực tế đồng đô la vẫn đang bị hạ thấp giá trị so với VND (USD đã bị mất giá 8,1% so với năm 2006, do lạm phát 4,1%, tại Mỹ 1 đô la năm 2007 có sức mua tương đương với 0,959 đô la năm 2006, và bằng 16.241 đồng Việt Nam năm 2007. Cũng do lạm phát 12,63%, tại Việt Nam 16.241 đồng năm 2007 chỉ có sức mua tương đương với

14.189 đồng của năm 2006; còn 1 đô la tại Việt Nam năm 2006 chỉ còn bằng 14.795 đồng vào tháng 12/2007. Như vậy, nếu so với sức mua là 15.994 đồng của năm 2006, thì đồng đô la tại Việt Nam vào cuối năm 2007 đã bị mất 8,1% giá trị. Điều đó vô hình chung đã góp phần hạn chế xuất khẩu và khuyến khích nhập khẩu. Thực tế là năm 2007 Việt Nam nhập siêu kỷ lục, với 12,45 tỷ USD, bằng 25,6% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Sự biến động của chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và giá đô la Mỹ tại Việt Nam năm 2007 được thể hiện ở biểu đồ sau:

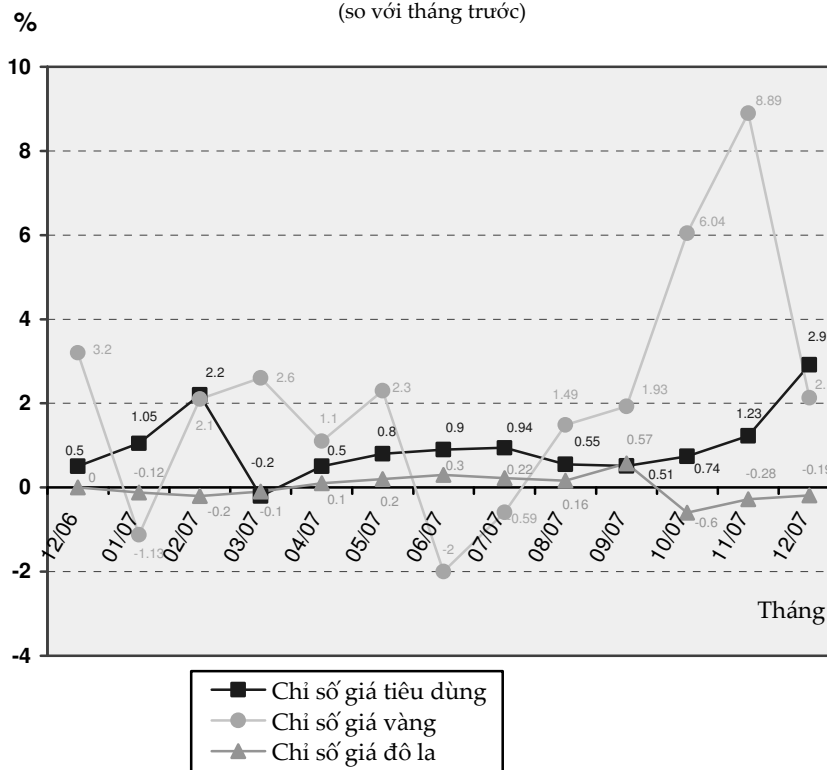


Nguồn: Tổng cục thống kê

Có thể thấy, sự biến động của các chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng, và giá đô la là rất khác nhau qua các tháng. Những tháng đầu và cuối năm, nhất là cuối năm chỉ số giá biến

động mạnh hơn. Để thấy rõ hơn điều này, có thể xem xét sự biến động của giá cả theo từng tháng ở biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ 3. Biến động chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và đô la năm 2007
(so với tháng trước)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Dù so sánh theo cách nào, thì sự biến động của giá cả cũng vẫn thể hiện một xu hướng chung là chỉ số giá tiêu dùng và giá vàng tăng cao, đặc biệt là giá vàng tăng rất cao và liên tục không chỉ trong năm 2007, mà cả trong suốt 7 năm qua (năm 2001 tăng 5%, năm 2002 tăng 19,4%, năm 2003 tăng 26,6%, năm 2004 tăng 11,7%, năm 2005 tăng 11,3%, năm 2006 tăng 27,2%, năm 2007 tăng 27,35%). Còn giá đô la tăng chậm, thậm chí trong vài năm gần đây có xu hướng giảm nhẹ. Nếu so với tháng 12/2000, giá vàng năm 2007 đã tăng gấp 2,2 lần, còn giá tiêu dùng tăng hơn 1,5 lần, và giá USD tăng 1,1 lần⁽⁵⁾.

⁽⁵⁾ www.vneconomy.vn

2. Tác động của lạm phát cao đến đời sống của người có thu nhập thấp trong năm 2007

Lạm phát, nhất là lạm phát cao có tác động đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội: làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh và giảm khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp; làm méo mó nền kinh tế, và làm cho việc thực hiện các kế hoạch chi tiêu và tiết kiệm của dân chúng bị đảo lộn, gây tác động xấu đến những người có thu nhập thấp, đặc biệt là những người sống chủ yếu bằng nguồn thu nhập từ tiền lương, tiền công.

Theo cách chia toàn bộ dân cư thành 5 nhóm dựa vào mức thu nhập bình quân đầu người (mỗi nhóm 20% tổng số hộ), thì những người có thu nhập thấp thuộc nhóm 1 (còn gọi là nhóm nghèo). Phần lớn những người

làm công ăn lương (như công nhân, viên chức, người về hưu, người hưởng trợ cấp xã hội khác...); những người kinh doanh nhỏ lẻ, và nông dân... thuộc nhóm này.

Tuy lạm phát là hiện tượng phổ biến của các nền kinh tế, và nó có tác động đến tất cả mọi người tiêu dùng, nhưng tác động của nó đến các nhóm dân cư khác nhau lại rất khác nhau. Cụ thể là: người có thu nhập thấp chịu tác động trực tiếp và nhanh hơn người có thu nhập cao; người dân vùng nông thôn chịu tác động nặng hơn người dân thành thị; công nhân chịu tác động lớn hơn nông dân... Nhưng, bất luận thế nào thì việc tăng giá hàng tiêu dùng, nhất là với tốc độ tăng “phi mã” của giá lương thực và thực phẩm đã đè nặng lên vai của đại bộ phận dân cư, trong đó nặng nhất là đối với 20% dân cư có thu nhập thấp, thậm chí đã vượt quá sức chịu đựng của họ.

Trong nhóm người có thu nhập thấp, những người sống bằng tiền lương là những người đầu tiên bị lạm phát làm cho khuynh đảo cuộc sống. Đó là vì, thu nhập của những người này phụ thuộc chủ yếu vào nguồn tiền lương (tương đối cố định) mà họ nhận được, nên một khi lạm phát cao, sức mua của tiền tệ bị giảm mạnh thì lập tức thu nhập thực tế của họ bị giảm sút. Những năm gần đây Chính phủ đã có nhiều cố gắng trong vấn đề cải tiến tiền lương, tiền công nhằm cải thiện đời sống cho người lao động (ví dụ: từ 2003 - 2007, lương tối thiểu trong khu vực nhà nước đã được điều chỉnh đến 4 lần, từ 290.000 đồng/tháng năm 2003 lên 540.000 đồng/tháng vào 01/01/2008; trong khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng tăng tương ứng từ 487.000 đồng/tháng năm 2003 lên 800.000 đồng/tháng năm 2007). Tuy vậy, do tốc độ tăng tiền lương chậm hơn nhiều so với tốc độ tăng giá (thực tế là tăng lương thì tính bằng năm, nhưng tăng giá thì lại diễn ra từng tháng, từng ngày), thậm chí tăng giá còn diễn ra trước cả tăng lương, nên

hậu quả là người nghèo không đủ khả năng chi trả cho những nhu cầu thiết yếu nhất của cuộc sống; làm cho người nghèo càng nghèo hơn. Minh chứng là, vào cuối năm ngoái, tiền lương của người lao động đã được tăng thêm 20%, nhưng tại thời điểm đó giá cả các loại hàng hóa và dịch vụ cũng đều đồng loạt tăng trung bình 20%, thậm chí xăng dầu và tiền thuê nhà tăng 50%, nên thực tế là số lượng hàng hóa mà họ mua được vẫn không có gì thay đổi, thậm chí còn ít hơn trước. Đó là chưa kể đến tình trạng giá tăng vọt vào dịp Tết (tại Hà Nội, giá lương thực thực phẩm tăng gấp rưỡi đến gấp đôi). Điều đó có nghĩa là, vào dịp tết, những người sống bằng tiền lương tại Hà Nội chỉ mua được một nửa đến ba phần tư lượng hàng hóa so với hồi đầu năm.

Lạm phát cũng có tác động khác nhau tới những người tiêu dùng có thu nhập khác nhau (người thu nhập cao, người thu nhập thấp) và cách thức khác nhau trong việc chi tiêu các khoản thu nhập đó cho đời sống của họ (có người mua ô tô, nhà lầu, máy điều hòa nhiệt độ, mỹ phẩm, đi du lịch, ăn nhà hàng...; có người lại “dốc” hết cho ăn uống, và một chút dành cho quần áo, học tập của con cái...). Không phân biệt sống ở thành thị hay nông thôn, nhìn chung nhóm người có thu nhập thấp thường có tỷ trọng chi tiêu cho ăn uống trong tổng chi tiêu cho đời sống cao hơn so với nhóm người có thu nhập cao (gần gấp rưỡi), nhất là tỷ trọng chi tiêu cho lương thực (chênh nhau 4,1 lần) (xem Biểu 4). Trong khi đó, tốc độ tăng giá hàng ăn và dịch vụ ăn uống cao gấp rưỡi tốc độ tăng giá chung, do đó đời sống thực tế của nhóm người có thu nhập thấp bị lạm phát làm cho chao đảo. Chẳng hạn, thực phẩm đứng đầu trong bảng xếp hạng về tốc độ tăng giá (với 21,16% năm 2007, cao gấp 1,67 lần so với mức tăng giá chung); lương thực đứng thứ ba (với mức tăng giá 15,4%, cao gấp mức tăng giá chung 1,22 lần) đã khiến cho những người có thu nhập thấp chịu nhiều thiệt thòi hơn so với

tầng lớp có thu nhập cao. Số liệu thống kê sau đây về quy mô và cơ cấu chi tiêu của

nhóm 20% người giàu và nhóm 20% người nghèo sẽ cho thấy điều đó:

Biểu đồ 4. Quy mô và cơ cấu chi tiêu cho đời sống của nhóm hộ giàu và hộ nghèo

	Số tiền chi tiêu (1.000đ/tháng)		Chênh lệch giàu - nghèo (lần)	Cơ cấu (%)	
	Nhóm giàu	Nhóm nghèo		Nhóm giàu	Nhóm nghèo
Tổng số	547,1	122,5	4,5	100	100
1. Chi cho ăn, uống, hút	271	85,9	3,2	49,5	70,1
- Lương thực	40,8	37,7	1,1	7,5	30,8
- Ăn uống ngoài gia đình	55,1	2,1	26,2	10,1	1,7
2. Chi ngoài ăn, uống, hút	276	36,6	7,5	50,5	29,9
- Nhà ở, điện, nước, vệ sinh	29,4	2,8	10,5	5,4	2,3
- Thiết bị và đồ dùng gia đình	52,2	6,7	7,8	9,5	5,5
- Đi lại và bưu điện	72,6	4,5	16,1	13,3	3,7
- Văn hóa, thể thao, giải trí	11,4	0,1	114	2,1	0,1

Nguồn: Theo Thời báo kinh tế Việt Nam

Rõ ràng, tổng số tiền chi tiêu của người giàu gấp 4,5 lần so với nhóm người nghèo, nhưng tỷ lệ chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu của người nghèo chiếm đến 70,1% tổng chi, trong đó chi cho lương thực chiếm đến 30,8%. Các số liệu tương ứng của nhóm người giàu là: 49,5% và 7,5% (thấp hơn rất nhiều so với nhóm người nghèo). Ngược lại, tỷ lệ chi cho văn hóa, thể thao, giải trí (nhu cầu cao) của nhóm nghèo chỉ chiếm 0,1% tổng chi, trong khi đó nhóm giàu lại chi đến 2,1% cho nhu cầu này (gấp 21 lần nhóm nghèo).

Từ thực tế đó cho thấy, việc Chính phủ thực hiện các giải pháp chống lạm phát vừa qua dường như chưa có tác động tích cực nào đến đời sống người nghèo, mà trái lại những người giàu được hưởng lợi nhiều hơn. Chẳng hạn, mặc dù hàng thực phẩm nhập khẩu đã được giảm thuế tới 18% (từ 30% xuống 12%), giảm nhiều hơn so với mức giảm thuế nhập khẩu của các mặt hàng cao cấp (xe hơi nguyên chiếc giảm 10%, từ 80% xuống 79%; mỹ phẩm giảm 10%, từ 40% xuống 30%...), nhưng lợi ích mà người nghèo nhận được chỉ là 12.000 - 15.000 đồng khi họ mua 1kg thịt giá 70.000 - 80.000 đồng (vì họ không thể mua

hàng tấn thịt để nhận được lợi ích nhiều hơn); trong khi đó, một người giàu mua 1 chiếc xe hơi giá 40.000 - 50.000 USD thì lại thấy ngay lợi ích là tiết kiệm được từ 4.000 - 5.000 USD; hay mua 1.000.000 đồng mỹ phẩm thôi cũng tiết kiệm được tới 100.000 đồng rồi. Đáng nói hơn là, người giàu không cần đến khoản tiền tiết kiệm được đáng kể đó để mua sách vở hay quần áo, mà họ dùng nó để tích lũy, để đầu tư..., và rồi những khoản này lại tiếp tục “đề” ra các khoản thu nhập khác nữa, làm cho họ đã giàu càng giàu hơn.

Nói tóm lại, trong năm qua, chỉ số giá tiêu dùng tăng 12,63%, cũng có nghĩa là những người lao động làm công ăn lương tại nước ta đã bị mất đi một tỷ lệ thu nhập thực tế gần như thế. Thêm nữa, nhóm người này còn bị mất đi cơ hội tiêu dùng một số sản phẩm công nghiệp mà trước đây họ vẫn dùng, nhưng nay do giá lương thực, thực phẩm tăng cao đã “lấy” đi hầu hết thu nhập của họ.

Đối tượng thứ hai chịu tác động mạnh của lạm phát là nông dân và những người kinh doanh nhỏ lẻ. Họ tuy là người có vốn, có tài sản, có “đầu vào, đầu ra”, nhưng họ cũng phải chịu gánh nặng của lạm phát

không kém so với người làm công ăn lương là mấy. Bởi vì:

- Tốc độ tăng giá hàng tiêu dùng cao hơn tốc độ tăng trưởng sản xuất nông nghiệp. So với năm 2006, chỉ số CPI năm 2007 tăng 12,63% nhưng tốc độ tăng sản xuất nông nghiệp chỉ đạt 3,41%, bằng 27% tốc độ tăng giá. Vì vậy, cuộc “rượt đuổi” theo giá của người nông dân thu nhập thấp thật sự căng thẳng. Thực tế là đời sống của nông dân nói riêng, và của 73% dân cư sinh sống tại nông thôn nói chung bị rơi vào cảnh khốn khó. Số liệu thống kê cho thấy, so với cuối năm 2006, số hộ thiếu đói tại khu vực nông thôn năm 2007 đã tăng 44%, và số nhân khẩu thiếu đói tăng 47%⁽⁶⁾.

Tình trạng thiếu đói tăng nhanh như trên là do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân tăng giá hàng tiêu dùng, nhất là giá lương thực, thực phẩm có tác động mạnh nhất. Chẳng hạn, tại Thành phố Hồ Chí Minh, trung bình giá thịt lợn đã tăng tới 37-38%; giá thịt gà và thịt bò đều tăng 20-25%... so với năm 2006. Đặc biệt là giá các hàng hóa mà nông dân phải tiêu dùng thường nhật đã tăng khá cao: gạo từ 7.000đồng/kg tăng lên 7.800 - 8.000đ/kg; đậu phụ 500đ/bìa tăng lên 1.000đ/bìa; rau muống tăng từ 2.000đ/mớ lên 5.000đ/mớ; rau cải bẹ từ 6.000đ lên 7.500đ/bó, cải bắp tăng từ 3.000 - 4.000 đồng/kg lên gần 9000 đồng/kg ... Rõ ràng, sự tăng giá như vậy đã tác động trực tiếp và tức thì đến bữa ăn hàng ngày của người nghèo.

Sự gia tăng về chi phí cho nhà ở, ăn uống, đi lại, học hành cho con cái, và các mặt hàng thiết yếu khác... đang thật sự là trở lực lớn, khiến cho nhiều người có thu nhập thấp dù cố gắng đến mấy cũng khó mà thoát khỏi cảnh nghèo đói, túng thiếu.

- Giá “đầu vào” của sản xuất nông nghiệp nhiều loại tăng cao hơn giá bán nông sản

thực phẩm, nên mặc dù lương thực là mặt hàng đứng thứ 3 trong nhóm hàng tăng giá mạnh nhất của năm 2007, thì đời sống nông dân vẫn không được cải thiện; mà ngược lại, họ còn phải chịu “thiệt kép”.

Năm 2007 giá lúa trên thị trường cả nước luôn đứng ở mức cao, tới 3.200 - 3.250 đồng/kg (tại vùng Đồng bằng Sông Cửu Long), và từ 2.900 - 3.100 đồng/kg (tại các tỉnh miền Bắc). Tuy giá lúa cao nhưng nông dân không mấy phấn khởi, bởi giá vật tư nông nghiệp cũng tăng cao không kém. Cụ thể, giá phân bón đã tăng phổ biến từ 300 - 500 đồng/kg (tăng 6 - 10%), trong đó giá đạm urê tăng 1.000 đồng/kg (tăng 23,8%); giá hạt giống, giá thuốc bảo vệ thực vật, giá làm đất... cũng đều tăng đồng loạt. Không chỉ người trồng lúa, mà những người chăn nuôi cũng phải chịu chung cảnh ngộ như vậy. Theo số liệu của Cục Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), giá con giống vào dịp cuối năm 2007 đã tăng gần 30% so với cùng kỳ, thậm chí có loại con giống tăng tới 35%; giá thức ăn chăn nuôi cũng tăng mạnh, từ 23% đến 84% (tại Thành phố Hồ Chí Minh); giá thuốc thú y tăng 50 - 100%... Chẳng hạn, giá thức ăn hỗn hợp đã tăng thêm từ 800 - 1.200 đồng/kg; lợn giống tăng 100.000 - 150.000 đồng/con; gà giống tăng 10.000 - 17.000 đồng/con... Đó là chưa kể đến những áp lực tăng phí vận tải (do giá xăng dầu tăng 36,01%), và thiên tai, dịch bệnh có thể ập đến với người nông dân bất cứ lúc nào (năm 2007 cũng được đánh giá là năm có nhiều thảm họa không lường trước được).

Như vậy, chi phí “đầu vào” tăng nhanh, nhưng giá “đầu ra” không tăng tương xứng, nên thực tế là nhà nông mất nhiều hơn được. Cái lợi mà họ nhận được chỉ là nông sản thực phẩm được giá, nhưng họ lại bị mất nhiều thứ: giá vật tư nông nghiệp, cây con giống, thủy lợi phí, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc

⁽⁶⁾ Theo www.gso.gov.vn

thú y, thức ăn chăn nuôi, chi phí vận chuyển..., và giá hàng tiêu dùng thiết yếu khác đều tăng cao. Xin dẫn lại ví dụ được đưa ra trên tờ báo điện tử của Thời báo kinh tế Việt Nam (www.vneconomy.vn) để thấy rõ hơn về những khó khăn mà nhà nông phải đối mặt trong cơn “bão” giá của năm 2007 vừa qua: “Một nông dân ở xã Bình Minh (huyện Thanh Oai, Hà Tây) tính toán: thu nhập 1 sào lúa sau khi trừ các khoản đầu tư và lệ phí phải nộp, còn lại 90.000 - 100.000 đồng. Chăn nuôi con lợn, sau 4 - 6 tháng nuôi bán được 1 triệu đồng, trừ mọi chi phí như tiền giống 200.000 - 300.000 đồng, tiền rau cám 400.000 đồng, tiền thuốc tiêm phòng dịch bệnh, tiền thuế sát sinh, đầu tư chuồng trại mất thêm 100.000 - 150.000 đồng. Tính đúng, tính đủ nông dân chỉ thu được 200.000 - 250.000 đồng sau 4 - 6 tháng chăn nuôi. Dem cộng với số tiền thu từ lúa, họ có trong tay 290.000 - 350.000 đồng trong 6 tháng. Số tiền này đem chia cho 180 ngày họ có thu nhập 2.000 đồng/ngày”⁽⁷⁾, chưa mua nổi một nửa mớ rau muống (giá 5.000 đồng).

Tóm lại, trong thời gian qua, đặc biệt là trong năm 2007, giá “đầu ra” của nông nghiệp đã tăng tổng cộng 36,56% (thực phẩm tăng 21,16%, và lương thực tăng 15,4%); nhưng giá “đầu vào” đã tăng cao gấp 5 - 6 lần, với tổng số 100% đến hơn 200% (phân bón tăng 6 - 10%, con giống tăng 30 - 35%, thức ăn chăn nuôi tăng 23 - 84%, thuốc thú y tăng 50 - 100%, rồi giá làm đất, và cả giá thuê nhân công cũng tăng khoảng 20 - 50% nữa). Từ thực trạng đó có thể khẳng định: tăng trưởng kinh tế cao đã không đến được với tầng lớp người nghèo, người có thu nhập thấp, do tình trạng vật giá tăng cao hơn thu nhập mà họ kiếm được.

3. Một số giải pháp nhằm giảm gánh nặng tăng giá cho người có thu nhập thấp

Người ta đã đưa ra nhiều nguyên nhân khác nhau của tình trạng lạm phát cao trong năm qua, nhưng hậu quả của lạm phát đối với người nghèo thì mọi người đều thống nhất là nó có tác động đến đời sống của họ nặng hơn so với người giàu. Hiện nay, những người có thu nhập thấp đang rất lo lắng vì không hình dung được là lạm phát còn sẽ “lấy đi” bao nhiêu phần thu nhập thực tế của họ trong những tháng tới. Và điều này cũng không còn là vấn đề riêng của người nghèo nữa, mà nó đang thu hút sự quan tâm chú ý của nhiều người.

Nghèo đói và xóa đói giảm nghèo là vấn đề lớn và có tính chiến lược, mà để làm tốt điều đó đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, như: cải cách tiền lương; cấp học bổng cho học sinh dân tộc các trường nội trú, học sinh mẫu giáo và phổ thông học bán trú, cho con hộ nghèo ở các xã và thôn bản đặc biệt khó khăn; hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho người nghèo; miễn giảm thuế nông nghiệp và thủy lợi phí cho nông dân; giúp nông dân tổ chức sản xuất và cho vay ưu đãi để phát triển sản xuất và đầu tư cơ sở hạ tầng... Đó là một việc lớn, phải giải quyết trong nhiều năm. Nhưng để giải quyết hậu quả của lạm phát đối với người nghèo, người có thu nhập thấp thì lại phải có những giải pháp mang tính cấp bách, trong đó cần chú trọng các giải pháp sau:

Một là, *tăng cường hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo*

Trong năm 2007 Chính phủ đã có nhiều nỗ lực trong việc hỗ trợ cho cán bộ công nhân viên chức, người nghèo, đối tượng chính sách, nông dân, ngư dân và vùng khó khăn, vùng dân tộc. Tuy vậy, những biện pháp của Chính phủ còn chưa đủ mạnh để có thể giúp đỡ người nghèo chống chọi được với tốc độ

⁽⁷⁾ Theo www.vneconomy.vn, cập nhật 20/10/2007

lạm phát “phi mã” đã và đang diễn ra. Hiện tại, giá cả vẫn đang trên đà tăng cao: chỉ số giá tiêu dùng 2 tháng đầu năm 2008 đã tăng tổng cộng 7,55% so với tháng 12/2007⁽⁸⁾. Trước tình hình đó, với vai trò là người điều hành vĩ mô, Chính phủ cần có những chủ trương, chính sách thiết thực hơn để tạo điều kiện cho người nghèo tăng thu nhập thực tế của họ. Điều này chỉ có thể có được khi một sự trợ giúp nào đó đến được và đến nhanh với người nghèo. Nói như vậy, bởi trong nhiều năm qua, một số chính sách đưa ra khá đúng đắn, nhưng việc triển khai thực hiện chính sách lại bị méo mó, vì thế nhiều đối tượng được hưởng chính sách chỉ được hưởng trên giấy tờ mà thôi. Thiết nghĩ, để các chương trình trợ giúp người nghèo, người có thu nhập thấp đạt hiệu quả tức thì, cần phải có sự thay đổi cả trong chính sách và thực hiện chính sách trợ giúp người nghèo.

Phải thấy rằng, cách hỗ trợ của Chính phủ đối với người nghèo thông qua hình thức trợ giá qua doanh nghiệp thời gian qua đã mang lại những kết quả nhất định trong việc tạo việc làm và thu nhập, cũng như cung ứng các dịch vụ thiết yếu cho đời sống người nghèo. Tuy nhiên, nếu xét về góc độ hiệu quả thì việc đầu tư qua trung gian như thế một mặt sẽ làm mất đi tính chủ động của người nhận trợ giúp; và mặt khác sẽ tạo kẽ hở cho nhiều người lợi dụng, và kèm theo đó là nguồn trợ giúp bị thất thoát, hoặc sử dụng sai mục đích. Thực tế cho thấy, nguồn vốn này trước khi đến được với người nghèo đã không chỉ qua một “cầu nối” duy nhất, mà còn phải qua nhiều tầng nấc trung gian khác nữa (do sự phiền hà trong khâu hành chính); và dĩ nhiên, mỗi lần qua được một “cầu” thì nguồn vốn lại mất thêm một ít phần trăm, và khi tới được với người nghèo thì nó chẳng còn bao lăm. Đó là chưa kể, doanh nghiệp lợi

dụng nguồn vốn này để làm giàu cho mình mà không quan tâm đến lợi ích người nghèo.

Vì vậy, để người nghèo được hưởng trọn vẹn những gì họ đáng được hưởng, thì cần phải chuyển hình thức hỗ trợ qua trung gian sang hỗ trợ trực tiếp cho họ. Chẳng hạn, việc cấp tiền mua dầu hỏa thấp sáng cho các hộ đồng bào khu vực Tây Nguyên (5 lít/hộ/năm); việc hỗ trợ tiền điện cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào thuộc diện chính sách ở những nơi có điện lưới (tương đương 5 lít dầu/hộ/năm); việc hỗ trợ giá xăng dầu cho nhà nông (mỗi hộ 5 lít/năm)... mà Chính phủ đang thực hiện tuy chưa nhiều nhưng rõ ràng là nó có tác động trực tiếp và nhanh chóng đến cuộc sống người nghèo trong thời buổi giá cả leo thang hiện nay.

Hai là, *tăng cường giám sát và quản lý giá để giữ ổn định giá cả thị trường và đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng.*

Chính phủ cần tăng cường chỉ đạo các Bộ, Ban, Ngành liên quan thực hiện nghiêm ngặt việc giám sát giá cả các loại hàng hóa và dịch vụ cần thiết, để đưa ra mức giá cả phù hợp hơn, tránh tình trạng các doanh nghiệp liên kết với nhau để “làm giá” nhằm trục lợi. Để kiểm soát giá đạt hiệu quả cao, bên cạnh việc tổ chức, quản lý thị trường, cần phải có cơ chế xử phạt nghiêm minh đối với những hiện tượng vi phạm giá cả, như lợi dụng sự tăng giá của thị trường thế giới để “đẩy” giá lên, hay tạo ra nhu cầu ảo...

Mặt khác, Chính phủ cũng chưa nên thả nổi giá hoàn toàn cho thị trường điều tiết vào thời điểm nóng bỏng này, mà vẫn cần phải can thiệp đối với một số ngành, lĩnh vực nhạy cảm. Chẳng hạn, việc trao cho doanh nghiệp quyền tự quyết định giá xăng dầu vừa qua trên thực tế đã gây khó khăn nhiều hơn cho người nghèo, người có thu nhập thấp, do đó đã đi ngược lại với mục tiêu chống lạm phát và trợ giúp người nghèo của Chính phủ. Ai cũng biết rằng, doanh nghiệp

⁽⁸⁾ Theo www.gso.gov.vn

định giá là phù hợp với nền kinh tế thị trường (và còn phù hợp với quy chế của WTO nữa!). Nhưng vấn đề không đơn giản như vậy, bởi thứ nhất là, thời điểm thực hiện đúng vào lúc giá cả hàng tiêu dùng đang tăng đến chóng mặt; và thứ hai là, xăng dầu không chỉ để phục vụ nhu cầu đi lại, mà còn là yếu tố đầu vào của sản xuất, do đó giá xăng dầu tăng sẽ “đội” chi phí sản xuất lên, dẫn đến giá cả các hàng hóa khác cũng tăng theo. Trong điều kiện đó, liệu người nghèo có chịu nổi? Xin đưa ra cách điều hành của Chính phủ Trung Quốc trong cuộc chiến chống lạm phát để chúng ta tham khảo: tại nước này, mức lạm phát năm 2007 là 6,5% (bằng một nửa của Việt Nam), nhưng Chính phủ Trung Quốc vẫn xác định là: sẽ không điều chỉnh giá xăng dầu, khí đốt tự nhiên và điện trong tương lai gần; sẽ không tăng giá ga, nước, giao thông công cộng ở các thành phố; còn giá chăm sóc y tế sẽ được giữ ổn định; giá các loại phân bón chủ yếu như urê, phân lân cũng được giữ mức ổn định và chỉ được phép tăng sau khi được phép điều chỉnh⁽⁹⁾. Thiết nghĩ, đây cũng là một kinh nghiệm có giá trị, có thể vận dụng để kiểm soát sự tăng giá đối với các mặt hàng thiết yếu, mặt hàng có tác động lớn nhất đến cuộc sống người nghèo của Việt Nam.

Ba là, *nâng cao chất lượng công tác dự báo*

Dự báo là nhằm cung cấp những thông tin cần thiết cho các cơ quan hoạch định chính sách, các nhà quản lý để họ có cơ sở sát thực mà đưa ra chiến lược phát triển cũng như cách thức điều hành nền kinh tế. Chất lượng của hoạt động dự báo thể hiện ở mức độ chính xác của các tiên liệu về những gì có thể xảy ra cả trong ngắn hạn và dài hạn. Do đó dự báo càng chính xác thì sự điều hành nền kinh tế càng thuận lợi, và sự phát triển

kinh tế - xã hội càng ổn định. Mọi người đều thấy, sự lúng túng của các Ban, Ngành trong xử lý cơn sốt giá vừa qua là có nguyên nhân từ sự yếu kém của công tác dự báo; và Chính Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng đã thừa nhận là chúng ta đã không lường trước được tình hình tăng giá trên thế giới cũng như các dòng tiền đổ vào thị trường nội địa. Ví dụ, việc dự báo dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam lúc đầu đưa ra là 12 tỉ USD, sau tăng lên 16 tỉ, rồi lại thay bằng con số 20 tỉ vào giờ chót của năm (nhưng con số thực tế cuối cùng là 21 tỉ, gần gấp đôi con số ban đầu). Hay dự báo về giá dầu thô trên thị trường thế giới cũng vậy: giá dự báo và giá trên thực tế chênh nhau rất lớn (số liệu dự báo là giá dầu tăng cùng lắm cũng chỉ khoảng 5 USD/thùng, từ 70 lên 75 USD; nhưng trên thực tế mới chỉ trong vòng 1 tháng giá dầu đã tăng đến 30 USD, từ 70 lên 100 USD/thùng)⁽¹⁰⁾.

Những sai lệch trong dự báo thành phần tất yếu dẫn đến sai lệch trong dự báo mức tăng giá chung (6-7%, rồi dưới 8%, rồi lại thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế; nhưng thực tế thì cao gấp rưỡi tốc độ tăng trưởng). Dự báo không chuẩn xác như trên đã dẫn đến sự bị động trong việc điều hành kinh tế vĩ mô, gây nên sự rối loạn thị trường (đầu cơ trục lợi, tranh mua tranh bán, đua nhau tăng giá...). Dự báo không chuẩn xác cũng dẫn đến tình trạng phân bổ nguồn lực và tái phân phối của cải diễn ra không như mong muốn, làm cho cả nhà sản xuất và người tiêu dùng đều mất phương hướng..., và trong điều kiện đó người nghèo phải chịu nhiều thiệt thòi nhất.

Vì vậy, nâng cao chất lượng của hoạt động dự báo để đưa ra được những thông tin chính xác về biến động của giá cả trên thị trường trong nước và thế giới, về những thay

⁽⁹⁾ Trung Quốc giải bài toán lạm phát (www.baohungkhoan.vn, cập nhật 10/1/2008)

⁽¹⁰⁾ Lạm phát phi mã do yếu kém trong dự báo (www.ktdt.com.vn, cập nhật 3/3/2008)

đổi của thời tiết, khí hậu (điều này rất quan trọng đối với nhà nông)..., sẽ giúp các nhà kinh doanh nói chung, và nhà nông nói riêng có môi trường kinh doanh thuận lợi; giúp người tiêu dùng, nhất là những người có thu nhập thấp có kế hoạch hợp lý hơn trong chi tiêu, nhờ đó ổn định và cải thiện cuộc sống. Còn để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác dự báo lại đòi hỏi Chính phủ phải có sự đầu tư mạnh hơn cho các trung tâm dự báo cả về nhân lực, phương tiện và công nghệ. Về phía các cơ quan dự báo, cần phải nỗ lực hơn và có trách nhiệm hơn trong việc thu thập thông tin sát thực và xử lý thông tin kịp thời, chủ động.

Tài liệu tham khảo

- [1] Võ Đại Lược, *Lạm phát ở Việt Nam, đánh giá và giải pháp*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Lạm phát ở Việt Nam hiện nay - nguyên nhân và giải pháp, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, tháng 3 năm 2008.
- [2] Đỗ Đức Định, *Chống lạm phát ở Việt Nam trước và từ khi đổi mới*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Lạm phát ở Việt Nam hiện nay - nguyên nhân và giải pháp, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, tháng 3 năm 2008.
- [3] Lưu Ngọc Thọ, Minh Trí, Ba bất cập trong kiểm chế lạm phát năm 2007 ở nước ta, *Tạp san Hà Nội Hội nhập và Phát triển*, số 1 (2008) 16.

The effect of inflation on low income people in Vietnam

Mai Thi Thanh Xuan

*Faculty of Political Economy, College of Economics,
Vietnam National University, Hanoi, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Inflation is an economic situation which goes along with the market economy. Therefore, anti-inflation is as well a permanent task for many countries. After 11 years of low inflation (1 digit rates), in 2007, the inflation rate in Vietnam was risen up to 12.63 percent, 1.5 times higher than the economic growth (8.44 percent); in which the products that had the highest increasing in price were foodstuff (21.16%), building materials (17.12%), food (15.4%), transportation and telecommunication (7.0%), etc.

High inflation rate led to many aspects of the socio-economy, imbalanced the people's life, in which there were two groups with low income that had to bear the biggest effect. The first group was people who live mainly by their wage (workers, officers, retirees, etc.) because the pension amount increases by year but the prices increase by month. And the second group was farmers and small merchants because their costs increase faster than their revenues due to inflation.

In order to reduce the effect of inflation on low income people, in short-term we need to increase the subsidies for them as well as increase price-market controlling; and in long-term we need to improve the quality of the prediction job on domestic and World's prices' movements.